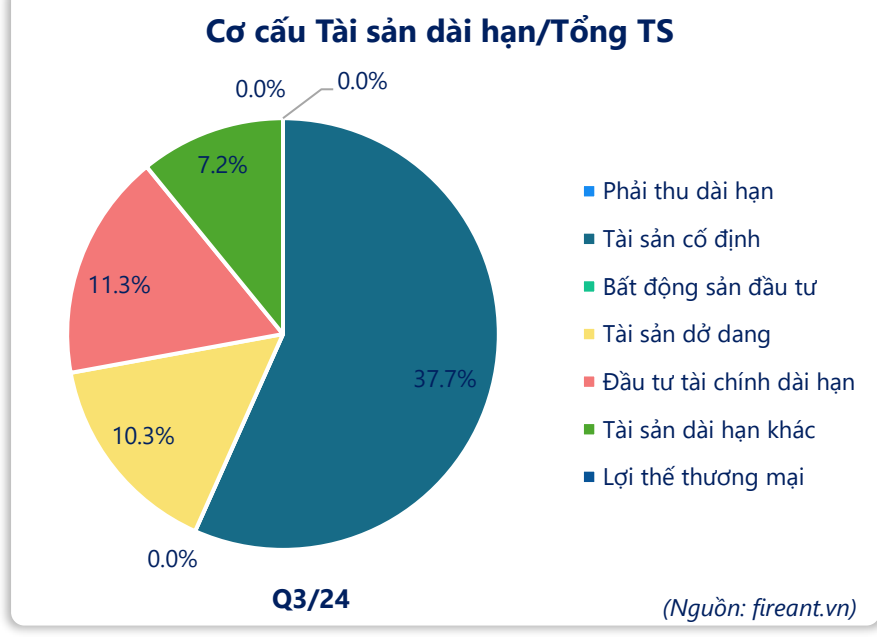
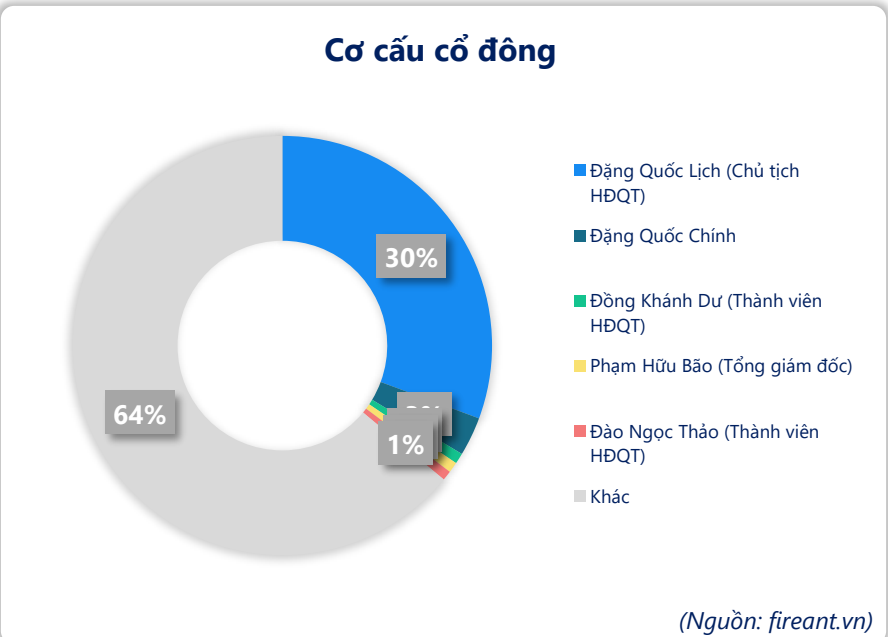
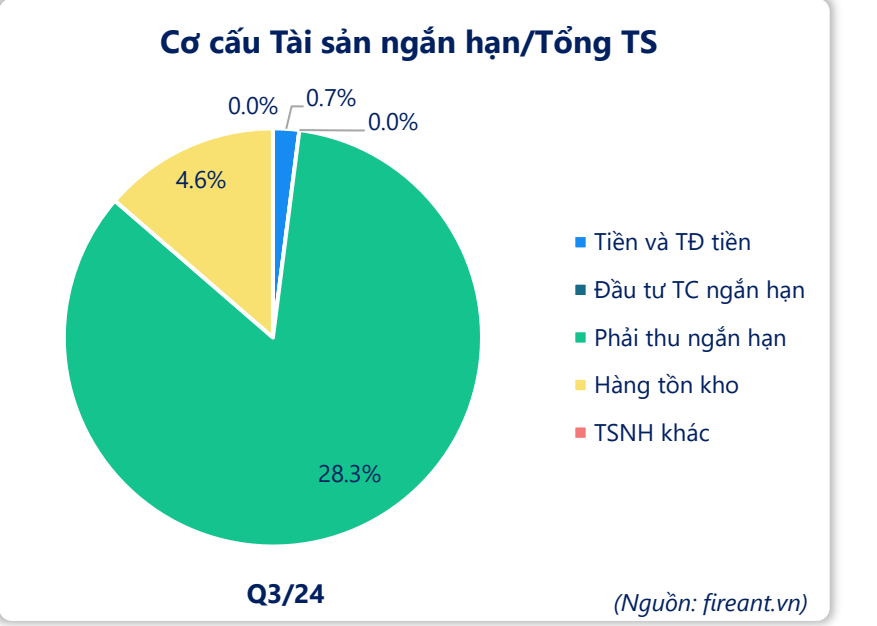
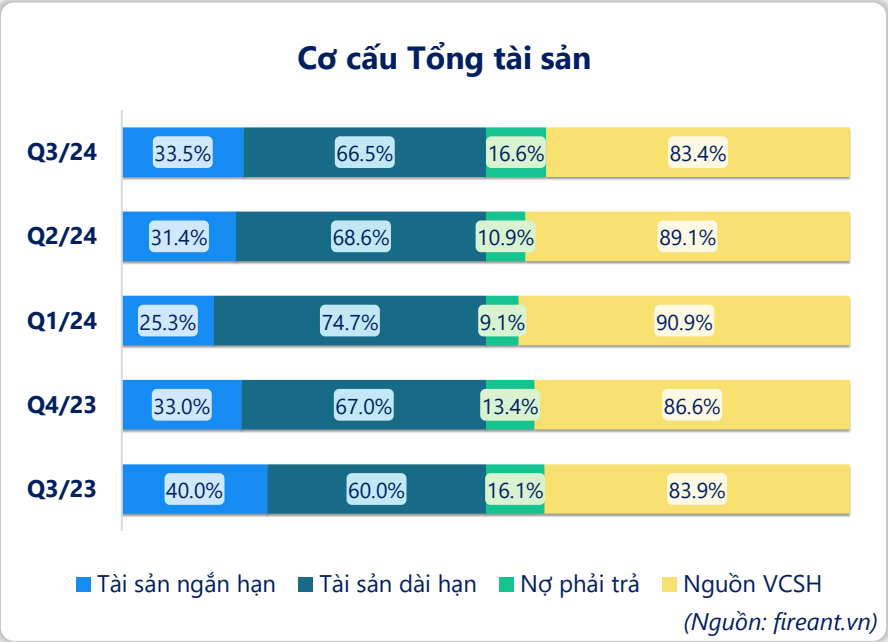
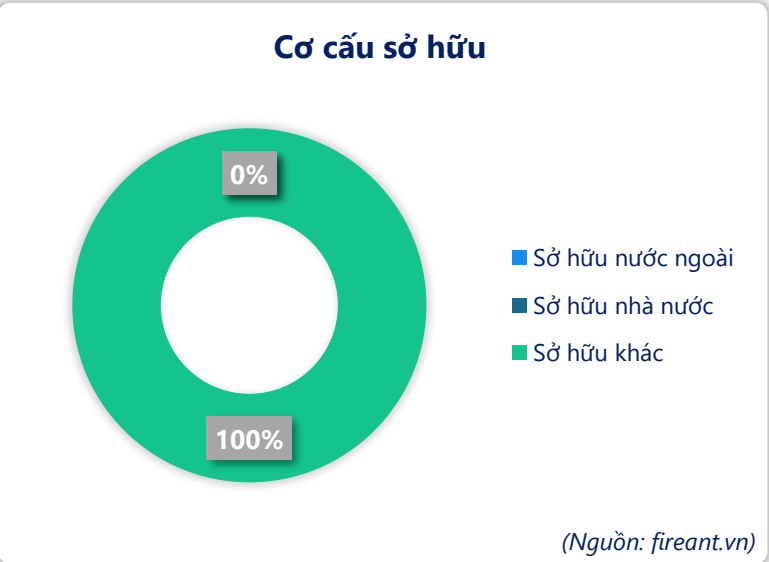
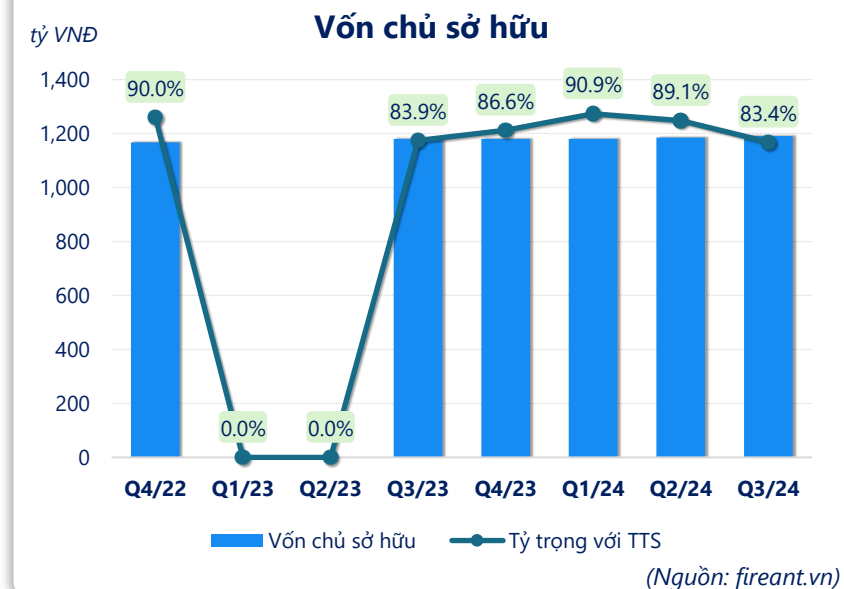
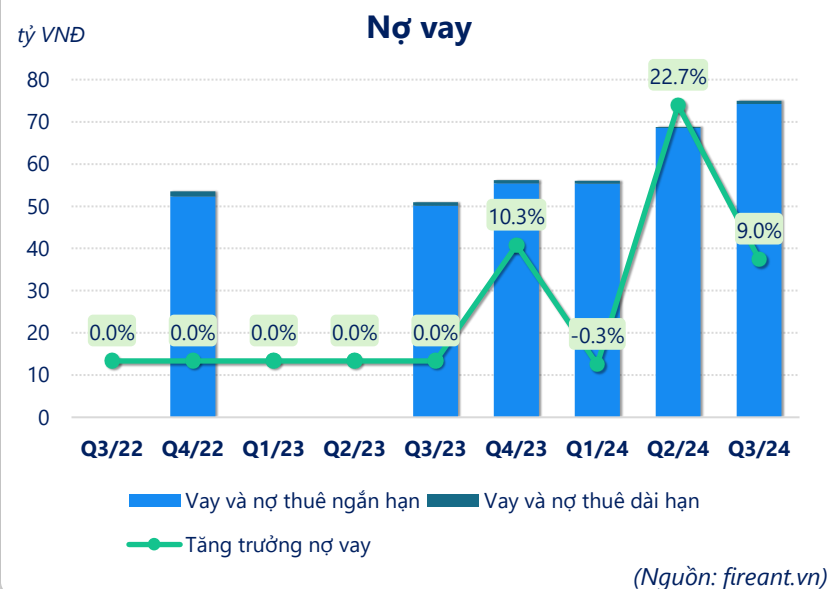
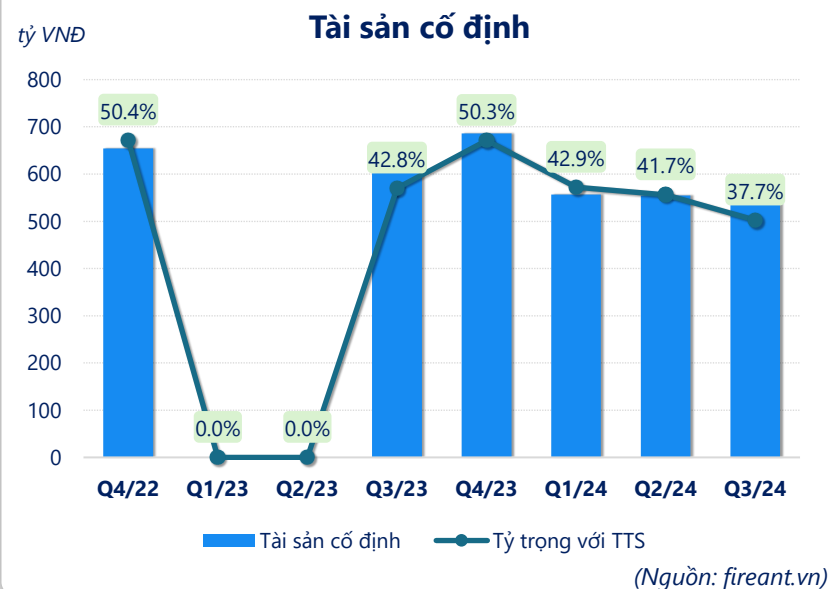
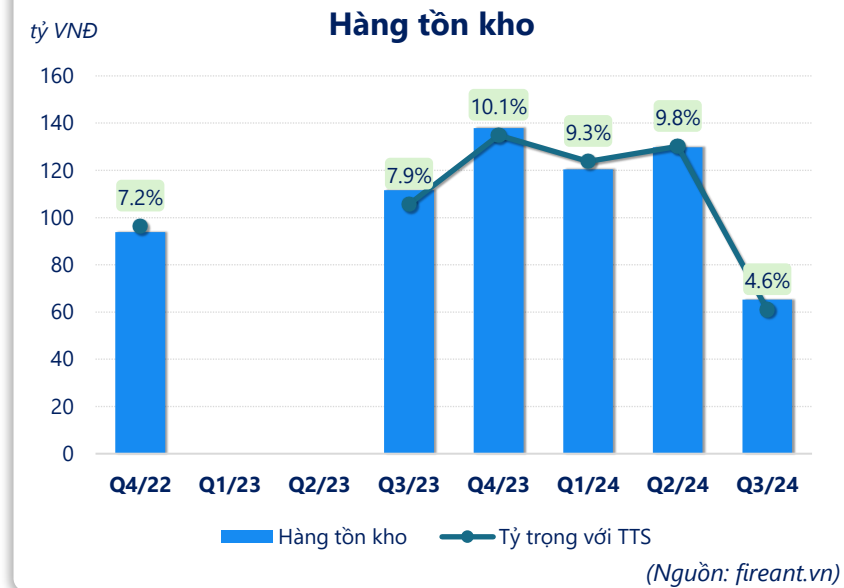
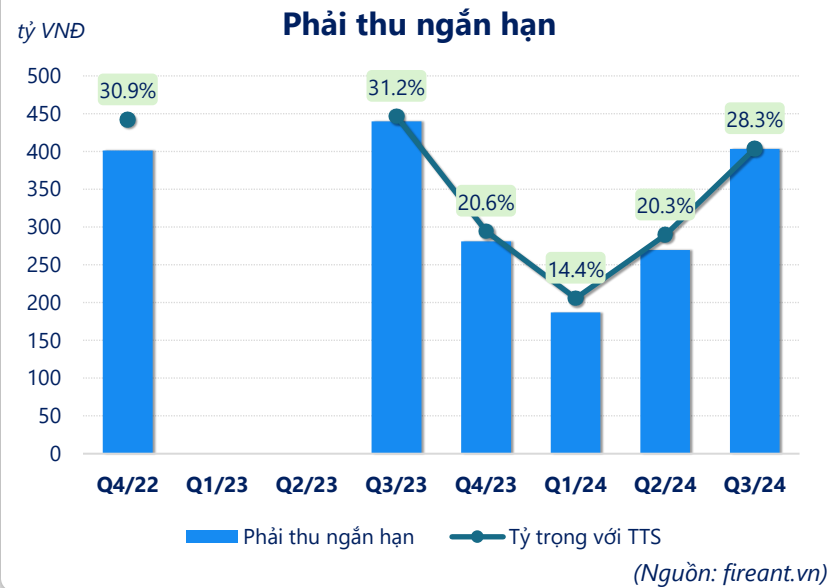
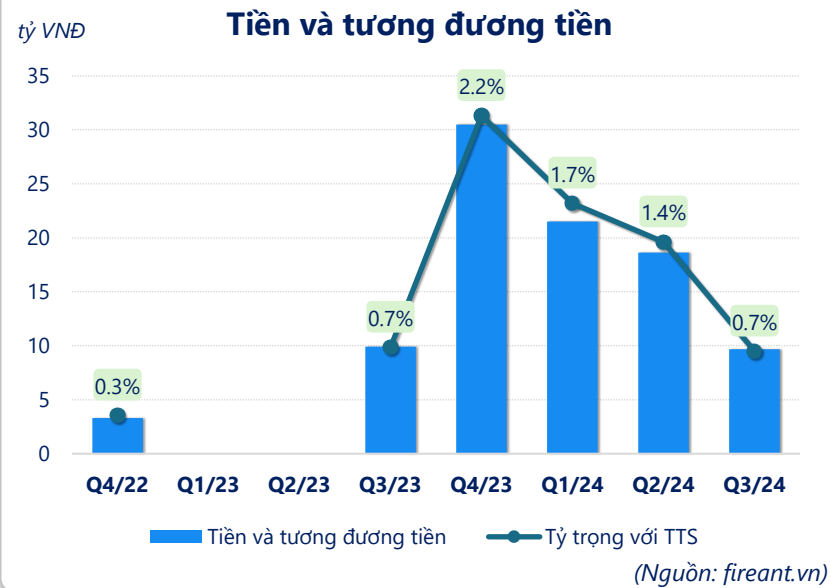
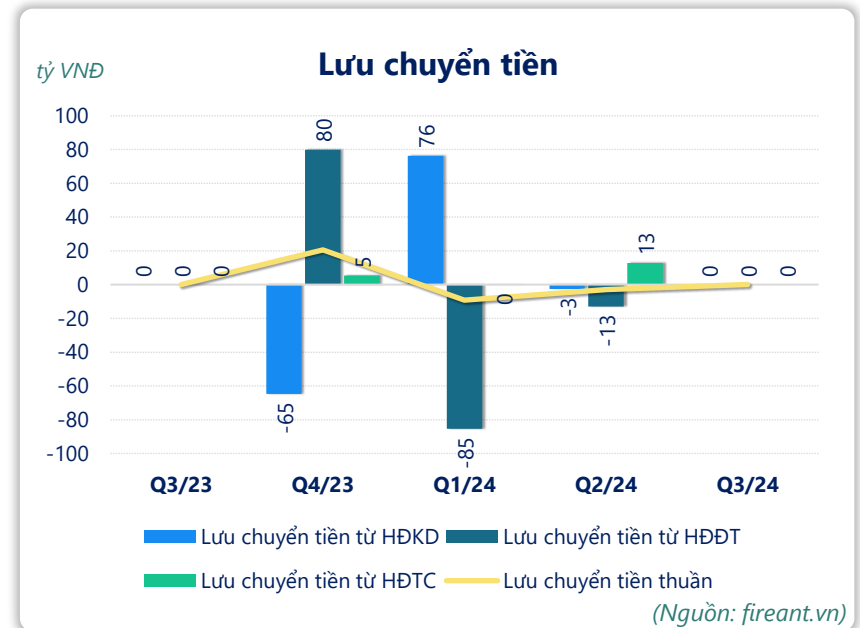
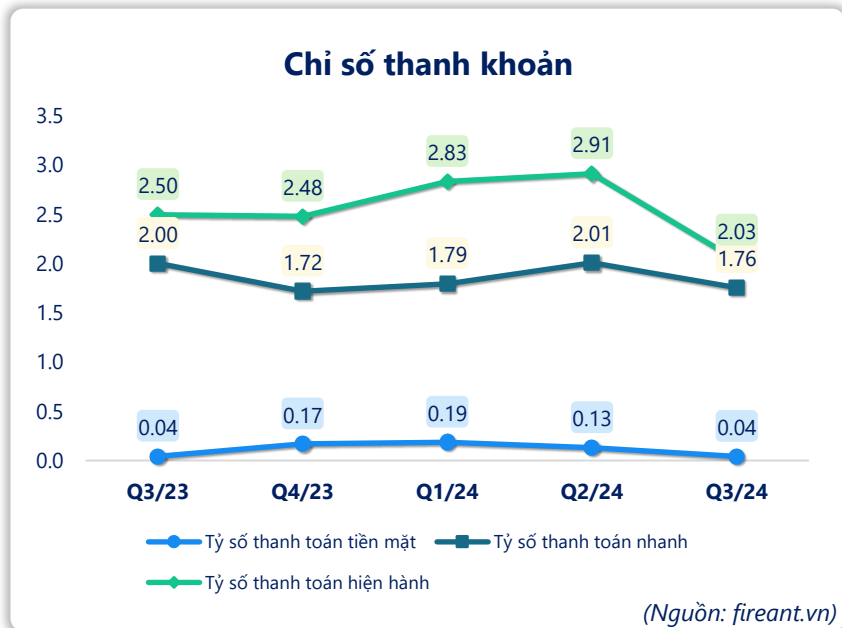
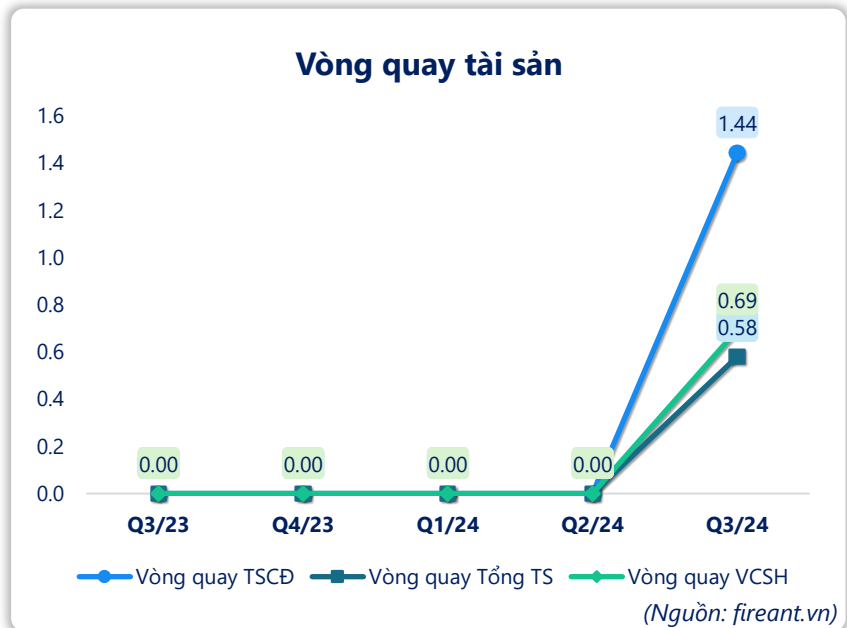
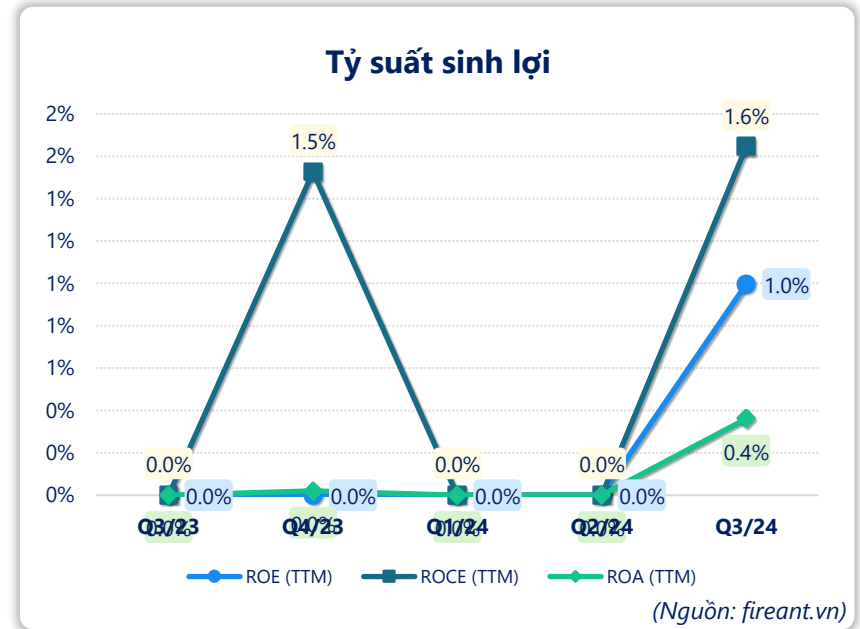
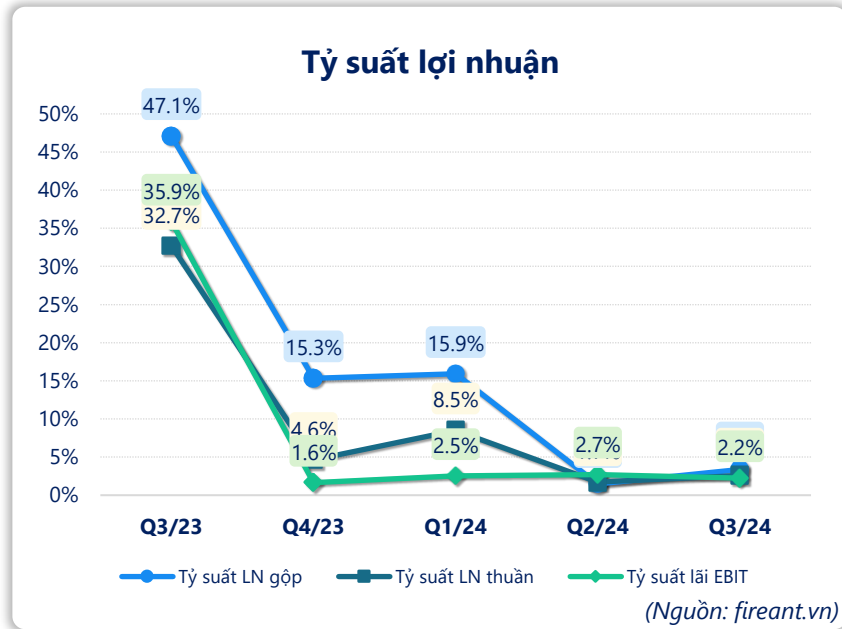
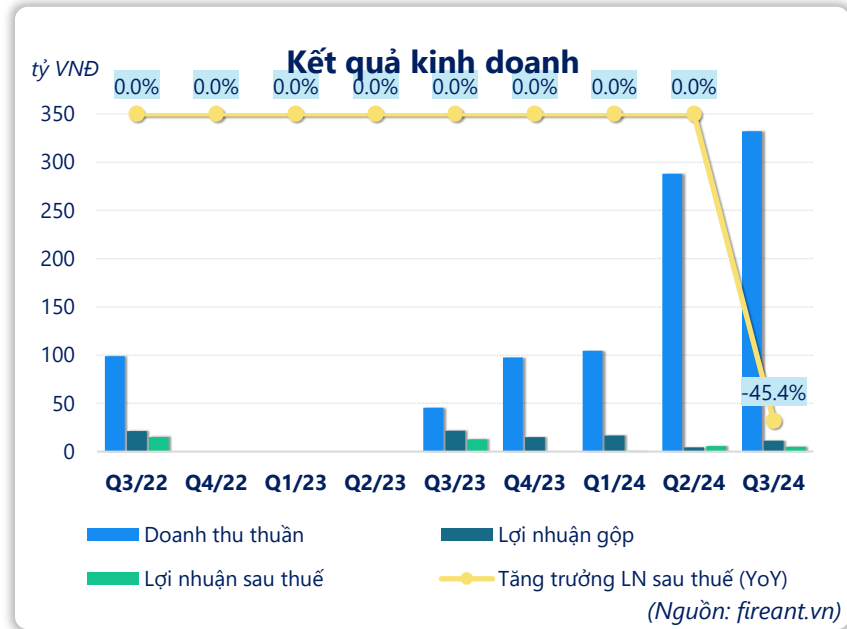


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,300
SL cổ phiếu LH		117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		935,270
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		460
P/E		38.9
EPS		100

	YTD	1T	3T	6T
AAH		2.6%	-15.2%	-39.1%
VNINDEX		2.8%	3.3%	0.5%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,427	1,324	7.8%
Tài sản ngắn hạn	478	419	14.1%
Tiền và tương đương tiền	9.68	30.7	-68.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	403	259	55.5%
Hàng tồn kho	65.3	129	-49.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	949	905	4.9%
Phải thu dài hạn	0	72.6	-100%
Tài sản cố định	538	574	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	147	85.0	72.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	161	85.8	88.0%
Tài sản dài hạn khác	103	87.5	17.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	236	145	63.2%
Nợ ngắn hạn	235	143	63.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	55.5	33.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.8	2.34	4129%
Nợ dài hạn	1.38	1.38	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.72	0.72	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,191	1,179	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,191	1,179	1.0%
Vốn điều lệ	1,179	1,179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	45.5	97.7	105	288	332
Giá vốn hàng bán	24.1	82.7	87.9	284	321
Lợi nhuận gộp	21.4	15.0	16.6	4.25	11.3
Doanh thu HĐTC	3.83	0.17	1.20	2.04	1.60
Chi phí TC	0.66	0.67	0.51	0.77	0.61
Chi phí lãi vay	0.66	0.67	0	0.77	0.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.69	0.72	0.44	1.85	0.99
Chi phí QLDN	8.03	9.23	7.98	-1.29	2.67
LN thuần từ HĐKD	14.9	4.52	8.89	4.96	8.58
Lợi nhuận khác	0.78	-3.58	-6.26	2.10	-1.74
LN trước thuế	15.7	0.94	2.63	7.07	6.84
Lợi nhuận sau thuế	12.5	0.27	0.78	5.65	5.12
LNST của CĐ cty mẹ	12.5	0.27	0.78	5.65	5.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-64.7	76.4	-2.62	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	80.0	-85.4	-13.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5.32	-0.17	12.7	0
Tiền đầu kỳ	0	9.91	30.7	21.5	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	20.6	-9.20	-2.86	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0	30.5	21.5	18.6	0

(Nguồn: fireant.vn)